

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 16 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 59/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 29-01-2026
V/v Tranh chấp ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 16 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đào Thị Thu Vân

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Nguyễn Thị Bửu Huệ
- Bà Vương Thị Hồng Thanh

- Thư ký phiên tòa: Ông Thái Vương Triều, Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 16 - Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Khu vực 16 - Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thúy An - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 01 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 16 - Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 477/2025/TLST-HNGĐ ngày 14/10/2025 về việc “Tranh chấp ly hôn, nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 294/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 12 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 16/2026/QĐST-HNGĐ ngày 14 tháng 01 năm 2026, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Phan Thị Thúy D, sinh năm 1983; thường trú: Ấp H, xã T, tỉnh Đồng Tháp; địa chỉ liên hệ: B N, khu phố B, phường L, Thành phố Hồ Chí Minh. Có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- Bị đơn: Ông Đoàn Minh N, sinh năm 1980; thường trú: Ấp H, xã T, tỉnh Đồng Tháp; địa chỉ liên hệ: B N, khu phố B, phường L, Thành phố Hồ Chí Minh. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Phan Thị Thúy D trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà D và ông Đoàn Minh N tự nguyện kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã T, huyện G, tỉnh Tiền Giang (nay là xã T, tỉnh Đồng Tháp) cấp Giấy đăng ký kết hôn số 41, quyển số 01 cấp ngày 09/4/2007. Quá trình sống chung, thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc và có 02 con chung, sau đó vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống nên

thường xuyên cãi vã, hiện tại tình cảm không còn, mặc dù đã cố gắng hàn gắn nhưng mục đích hôn nhân không đạt được, hiện tại bà và ông N đã sống ly thân và không còn tình cảm yêu thương nhau nên bà D yêu cầu ly hôn với ông N.

Về con chung: Bà D và ông N có 02 người con chung tên là Đoàn Minh T, sinh ngày 13/7/2008 và Đoàn Minh T1, sinh ngày 25/4/2014. Khi ly hôn, bà D yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi dưỡng 01 con chung là cháu Đoàn Minh T1, còn cháu Đoàn Minh T thì bà D đồng ý giao cho ông Đoàn Minh N nuôi dưỡng và không ai phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà D không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho ông N để triệu tập ông N lên Tòa án để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, tham gia phiên tòa sơ thẩm nhưng bị đơn không có mặt tại Tòa án để có ý kiến, hoặc nộp văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và nộp các tài liệu, chứng cứ kèm theo. Đồng thời, vắng mặt không có lý do trong suốt quá trình tố tụng.

Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt, đồng thời giữ nguyên yêu cầu khởi kiện với bị đơn; bị đơn được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt.

Ý kiến của Kiểm sát viên đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Khu vực 16 - Thành phố Hồ Chí Minh:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và người tham gia tố tụng tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn có yêu cầu giải quyết vắng mặt, bị đơn đã được Tòa án niêm yết hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử tiếp tục xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

Về nội dung: Yêu cầu khởi kiện ly hôn của nguyên đơn là có căn cứ đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, lời trình bày của các đương sự và ý kiến của Kiểm sát viên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về sự có mặt của các đương sự tại phiên tòa: Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn có yêu cầu giải quyết vắng mặt. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do, không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Do đó, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227, các Điều 228, 238 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Theo quy định tại khoản 4 Điều 91 của Bộ luật Tố tụng dân sự, đương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh mà không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ thì Tòa án giải quyết vụ án theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ việc. Bị đơn đã tự từ bỏ quyền được chứng minh của mình qua việc không đến

Tòa án tham gia tố tụng nên bị đơn phải chịu hậu quả của việc không chứng minh theo quy định tại Điều luật trên.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Phan Thị Thúy D và ông Đoàn Minh N tự nguyện kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã T, huyện G, tỉnh Tiền Giang (nay là xã T, tỉnh Đồng Tháp) cấp Giấy đăng ký kết hôn số 41, quyển số 01 cấp ngày 09/4/2007 là hôn nhân hợp pháp. Thấy rằng, tại khoản 1 Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình quy định như sau: “*Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình*”. Vợ chồng có nghĩa vụ chung sống với nhau, có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình. Quá trình sống chung, bà D và ông N phát sinh nhiều mâu thuẫn, cãi vã, mạnh ai nấy sống, không có sự chăm sóc, giúp đỡ, chia sẻ với nhau và hiện tại bà D không còn tình cảm yêu thương ông N và cả hai đang sống ly thân nhau, do đó mục đích hôn nhân giữa bà D và ông N không đạt được nên cần giải quyết cho bà D ly hôn ông N, phù hợp với quy định của pháp luật tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình. Yêu cầu khởi kiện của bà D là có căn cứ chấp nhận.

[2.2] Về con chung: Bà D và ông N có 02 người con chung tên là Đoàn Minh T, sinh ngày 13/7/2008 và Đoàn Minh T1, sinh ngày 25/4/2014. Khi ly hôn, bà D yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi dưỡng 01 con chung là cháu Đoàn Minh T1, còn cháu Đoàn Minh T thì bà D đồng ý giao cho ông Đoàn Minh N nuôi dưỡng. Xét yêu cầu của bà D, thấy rằng: Hiện tại bà D và ông N mỗi người trực tiếp nuôi dưỡng mỗi cháu, bà D trực tiếp nuôi dưỡng cháu Đoàn Minh T1, còn ông N trực tiếp nuôi dưỡng cháu Đoàn Minh T, cả bà D và ông N đều nuôi dưỡng các cháu phát triển tốt. Do đó, để đảm bảo về vật chất, tinh thần, sự phát triển bình thường, ổn định của các cháu T1 và T2 thì cần tiếp tục giao cho bà D nuôi dưỡng cháu T1, ông N nuôi dưỡng cháu T, phù hợp khoản 2 Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con: Ghi nhận yêu cầu của bà D về việc bà D và ông N không ai phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

[2.4] Về tài sản chung, nợ chung: Bà D không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà D phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

[4] Về ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên toà về nội dung vụ án là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều: 28, 35, 36, 39, 147, 227, 228, 238, 266, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Căn cứ các Điều: 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phan Thị Thúy D đối với ông Đoàn Minh N.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Phan Thị Thúy D được ly hôn với ông Đoàn Minh N.

- Về con chung: Giao con chung tên Đoàn Minh T1, sinh ngày 25/4/2014 cho bà Phan Thị Thúy D trực tiếp nuôi dưỡng, đồng thời giao con chung tên Đoàn Minh T, sinh ngày 13/7/2008 cho ông Đoàn Minh N trực tiếp nuôi dưỡng. Bà Phan Thị Thúy D và ông Đoàn Minh N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Trường hợp bà Phan Thị Thúy D và ông Đoàn Minh N lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì bà Phan Thị Thúy D và ông Đoàn Minh N có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con. Vì lợi ích của con, việc cấp dưỡng nuôi con, thay đổi người nuôi con sẽ được thực hiện theo quy định của pháp luật. Ghi nhận sự tự nguyện của bà Phan Thị Thúy D yêu cầu không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Bà Phan Thị Thúy D không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

2. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Phan Thị Thúy D phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, được trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 (ba trăm nghìn) đồng mà bà D đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí Toà án số 0024959 ngày 10/10/2025 của Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn và bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- VKSND khu vực 16 - TP. Hồ Chí Minh;
- THADS TP. Hồ Chí Minh;
- Phòng THADS khu vực 16 - TP. Hồ Chí Minh;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Đào Thị Thu Vân

